

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 30 - 11 - 2020.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Huệ và ông Vũ Ngọc Thi.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2020/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020, về tranh chấp kiện xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị E, sinh năm 1990.

Địa chỉ: tổ 7, phường LHP, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp 5, xã TH, huyện LM, tỉnh Hậu Giang.

Tại phiên tòa chị E và anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị E và anh Trần Quốc T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 20/02/2014 tại UBND xã TH, huyện LM, tỉnh Hậu Giang sau thời gian hai bên tìm hiểu nhau được gần 01 năm. Việc kết hôn cũng được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương hai bên. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống chủ yếu tại phường LHP, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Thời gian đầu cuộc sống chung của vợ chồng tương đối hòa thuận, đến cuối năm 2017 thì đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị không còn hợp nhau về cách sống, quan điểm sống nữa. Do mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không thể hòa giải được nên từ tháng 7 năm 2018 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh T chuyển về quê anh sinh sống nên hai bên không hề quan tâm đến cuộc sống của nhau và chấm dứt quan hệ vợ chồng.

Quan điểm của chị Phạm Thị E: Chị nhận thấy mâu thuẫn giữa chị và anh T không thể hàn gắn được và quan trọng tình cảm vợ chồng chị không còn dành cho

nhau để duy trì mối quan hệ hôn nhân, nên chị xin được ly hôn với anh Trần Quốc T.

Quan điểm của anh Trần Quốc T: Anh cũng xác định tình cảm vợ chồng anh không còn, nên chị E xin ly hôn anh cũng hoàn toàn nhất trí và thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị E và anh T thống nhất có 01 con gái chung là cháu Trần Phương T1, sinh ngày 13/5/2014 do chị E đang nuôi dưỡng, chăm sóc.

Quan điểm của chị E: Khi ly hôn chị xin được nuôi con chung Trần Phương T1 và chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Quan điểm của anh T: Anh cũng đồng ý khi ly hôn giao cháu Trần Phương T1 cho chị E nuôi dưỡng, chăm sóc và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị E.

Con riêng, con nuôi: Vợ chồng không có. Hiện chị E không có thai nghén gì.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng thống nhất không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, 53, 54, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị E.

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị E và anh Trần Quốc T.

- Về con chung: Giao chị Phạm Thị E trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Phương T1, anh Trần Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Phạm Thị E.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật. Chấp nhận sự tự nguyện của chị E xin nộp toàn bộ án phí ly hôn cho anh Trần Quốc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Trên cơ sở văn bản thỏa thuận của chị Phạm Thị E và anh Trần Quốc T lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý giải quyết quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” giữa chị Phạm Thị E và anh Trần Quốc T. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị E và anh Trần Quốc T có đăng ký kết hôn vào ngày 20/02/2014 tại UBND xã TH, huyện LM, tỉnh Hậu Giang trên cơ sở tự nguyện, thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị E, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn, chị E và anh T cũng có thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên hay xảy ra cãi nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2018 đến nay. Quá trình sống ly thân hai bên sống xa nhau và không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị E đề nghị ly hôn anh T hoàn toàn nhất trí và thuận tình ly hôn chứng tỏ cả chị E và anh T đều không mong muốn duy trì mối quan hệ hôn nhân với nhau nữa. Xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng chị E và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc giải quyết ly hôn để giải phóng cho nhau là cần thiết. Do vậy Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của chị E và anh T là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị E và anh T thống nhất có 01 con gái chung là cháu Trần Phương T1, sinh ngày 13/5/2014 hiện đang do chị E nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn, chị E có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T1, anh T cũng nhất trí. Xét thấy cháu Thảo đang ở ổn định cùng với chị E và được chị E chăm sóc chu đáo, nên giao cháu T1 cho chị E nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với thực tế và pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận này của chị E và anh T.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị E không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung và anh T cũng nhất trí. Do vậy anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị E.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị E và anh T thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn: Chị E và anh T phải nộp theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, chị E tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn, nộp cả cho anh Trần Quốc T, nên cần chấp nhận sự tự nguyện này của chị Phạm Thị E.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 51; 55; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị E và anh Trần Quốc T.

[2] Về con chung: Giao chị Phạm Thị E được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trần Phương T1, sinh ngày 13/5/2014 (con gái), cho đến khi cháu Trần Phương T1 trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Trần Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Phạm Thị E.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị E và anh Trần Quốc T mỗi người phải nộp 150.000 đồng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị E xin nộp cả án phí ly hôn cho anh Trần Quốc T. Chị Phạm Thị E phải nộp tổng cộng là 300.000 đồng, chị E được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2015/0004556 ngày 31/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị Phạm Thị E đã nộp đủ án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị E và anh Trần Quốc T vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phủ Lý;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- UBND xã TH, huyện LM, tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuyên